

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐÔN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/01/2024
“Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN – TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Long

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Hảo và ông Nguyễn Đình Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Rin Niê Kdăm – Kiểm sát viên.

Ngày 26/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 187/2023/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS ngày 18/01/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị Tr, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Buôn M, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Bị đơn: Anh Sùng Văn H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn 11, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị Tr trình bày: Tôi (Tr) và anh Sùng Văn H đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 16/6/2021. Sau khi về chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến khoảng đầu năm 2022 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Tôi nhận thấy vợ chồng sống không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, không có sự tôn trọng với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay tôi và anh Sùng Văn H đã sống ly thân. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Sùng Văn H.

Về con chung: Quá trình chung sống tôi với anh Sùng Văn H chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung, nợ chung.

- Quá trình giải quyết vụ án anh Sùng Văn H trình bày: Anh Sùng Văn H đồng ý với ý kiến trình bày của chị Hà Thị Tr về quan hệ hôn nhân. Tuy nhiên,

về nguyên nhân mâu thuẫn thì vợ chồng chỉ có những mâu thuẫn nhỏ nhặt. Vợ chồng tuổi còn trẻ nên sống chưa hiểu nhau nên xảy ra mâu thuẫn từ khoảng tháng 04 năm 2022. Sau đó anh Sùng Văn H và chị Hà Thị Tr sống ly thân từ tháng 05 năm 2022 cho đến nay và không quan tâm, chăm sóc gì nhau. Hiện nay anh Sùng Văn H còn yêu thương chị Hà Thị Tr nên không đồng ý ly hôn với chị Hà Thị Tr.

Về con chung: Anh Sùng Văn H và chị Hà Thị Tr chưa có con chung nên anh Sùng Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Sùng Văn H không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung, nợ chung.

Quá trình thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của anh Sùng Văn H và chị Hà Thị Tr. Qua xác minh, đại diện ban tự quản thôn 11, xã C và Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ thôn 11, xã C cung cấp thông tin: Chị Hà Thị Tr và anh Sùng Văn H đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng Hà Thị Tr, anh Sùng Văn H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cãi nhau. Hiện nay anh Sùng Văn H đi làm ở thành phố B, không quan tâm và chăm sóc gì chị Hà Thị Tr. Hiện nay chị Hà Thị Tr và anh Sùng Văn H đã sống ly thân.

Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải, phân tích các quy định của pháp luật nhưng chị Hà Thị Tr vẫn nhất quyết xin được ly hôn với anh Sùng Văn H. Do đó căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đưa vụ án ra xét xử.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với bị đơn anh Sùng Văn H vắng mặt là vi phạm về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Tr.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Tr được ly hôn với anh Sùng Văn H.

Về con chung: Chị Hà Thị Tr và anh Sùng Văn H chưa có con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hà Thị Tr và anh Sùng Văn H không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Hà Thị Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm

theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Sùng Văn H cư trú tại thôn 11, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Sùng Văn Hải. Tuy nhiên, bị đơn anh Sùng Văn H vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T và anh Sùng Văn H đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 16/6/2021. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị Tr và anh Sùng Văn H là hợp pháp.

Quá trình chung sống chị Hà Thị Tr và anh Sùng Văn H phát sinh nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm. Anh Sùng Văn H bỏ đi làm ăn tại Thành phố B và không quan tâm, chăm sóc cho gia đình. Hiện nay chị Hà Thị Tr và anh Sùng Văn H sống ly thân. Căn cứ kết quả xác minh tại ban tự quản thôn 11, xã C và Chi hội phụ nữ thôn 11, xã C cũng như ý kiến trình bày của đương sự có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân chị Hà Thị Tr và anh Sùng Văn H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Hà Thị Tr được ly hôn với anh Sùng Văn H.

[2.2] Về con chung: Chị Hà Thị Tr và anh Sùng Văn H chưa có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hà Thị Tr và anh Sùng Văn H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Hà Thị Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, khoản 4 Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị Tr.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Tr được ly hôn với anh Sùng Văn H.
2. Về con chung: Chị Hà Thị Tr và anh Sùng Văn H chưa có con chung nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hà Thị Tr không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hà Thị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0019470 ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Hà Thị Tr có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Sùng Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- UBND xã C, huyện E;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Phi Long

